

DẠY HỌC THEO THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ

PGS.TS. PHAN VĂN NHÂN
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Bàn về phương pháp dạy học và đổi mới phương pháp dạy học, trong những năm gần đây chúng ta tốn không ít thời gian và giấy mực. Song trong thực tế, phương pháp dạy học chưa thực sự trở thành một chìa khoá, một công cụ để giúp các thầy cô giáo trong giảng dạy mà vẫn chủ yếu nằm trong chữ nghĩa giấy tờ, khiến những người quan tâm đến vấn đề này không khỏi băn khoăn. Một trong những nguyên nhân của thực trạng trên là chúng ta mới chỉ tập trung bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên (GV) những phương pháp dạy học cụ thể mà chưa chú ý đến việc giúp họ thay đổi nhận thức, từ việc cung cấp cho họ những cơ sở khoa học của việc đổi mới phương pháp dạy học. Bài viết này muốn trình bày khái quát một lí thuyết như là cơ sở cho việc tiếp cận lấy người học làm trung tâm cũng như đổi mới các phương pháp dạy học và việc vận dụng lí thuyết đó vào những phương pháp dạy học cụ thể như thế nào, đó là thuyết đa trí tuệ (The theory of multiple intelligences).

2. Sơ lược về thuyết đa trí tuệ

Thuyết đa trí tuệ xuất phát từ công trình nghiên cứu của Howard Gardner lần đầu tiên được công bố vào năm 1983 trong cuốn *Frames of Mind*. Howard Gardner quan tâm đến năng lực của người học trên cơ sở tiếp cận vấn đề này thông qua thuyết đa trí tuệ. Gardner tin tưởng rằng khái niệm về trí tuệ nói chung, hay các khái niệm về trí tuệ theo phân loại Bloom và được sử dụng để kiểm tra trí tuệ của các cá nhân thông qua những bài kiểm tra IQ theo chuẩn là quá hạn chế. Do vậy, nghiên cứu của ông đã chỉ ra rằng tất cả mọi người đều có hàng loạt trí tuệ, nhưng không phải tất cả đều có trí tuệ giống nhau hay đều phát triển chúng đến cùng một cấp độ.

Ví dụ, các nhạc sĩ thể hiện khả năng linh hội, phân biệt, chuyển hóa và thể hiện các dạng âm thanh rất cao; các diễn viên, vũ công, vận động viên diễn kinh lại có khả năng sử dụng toàn bộ cơ thể để thể hiện các ý tưởng và tình cảm một cách thành thạo; những người thợ thủ công và các nhà điêu khắc lại cho thấy khả năng sử dụng đôi bàn tay để sáng tạo và chuyển hóa các vật thể theo những ý tưởng nhất định... Các giáo sư khoa học sáng giá nhất có thể có trí tuệ vượt bậc trong một số lĩnh vực (có thể là lĩnh vực lô gic - toán học và các lĩnh

vực khác) nhưng cũng có thể các giáo sư này sẽ có khả năng kém hơn trong các loại hình trí tuệ khác, thậm chí có thể không có khả năng trong một số loại hình. Những sinh viên phải vật lộn với ngôn ngữ và các con số có thể dễ dàng trở thành những vận động viên, nhạc công hay các nghệ sĩ tài ba. Rất nhiều cá nhân thành đạt trong kinh doanh từng bị đánh giá là những người kém cỏi trong trường học. Tất nhiên, những cá nhân này đã bị đánh giá bằng những định nghĩa hẹp về điều gì làm nên các thành tích học tập và những thành công trong trường học. Nhiều người thành đạt trong cộng đồng - như những nhà lãnh đạo, nhà văn, quân nhân, nhà khoa học và những người hoạt động trong lĩnh vực thể thao - đều từng bị đánh giá là những cá nhân kém trong các trường - những con người này cũng đã bị đánh giá theo một định nghĩa hạn hẹp về điều gì tạo nên trí tuệ. Bằng kết quả nghiên cứu của Gardner, đã xác định được bảy loại hình trí tuệ cơ bản sau (xem bảng 1).

Bảng 1: Bảy loại hình trí tuệ của Howard Gardner

Các loại hình trí tuệ	Khả năng và nhận thức
Trí tuệ về Ngôn ngữ	- Các con chữ và ngôn ngữ
Trí tuệ về Lô gic - Toán học	- Lô gic và các con số
Trí tuệ về âm nhạc	- Âm nhạc, âm thanh, giai điệu
Trí tuệ về chuyển động cơ thể	- Kiểm soát chuyển động cơ thể
Trí tuệ về thị giác và không gian	- Các hình ảnh và không gian
Trí tuệ về tương tác	- Cảm xúc của những người khác
Trí tuệ về nội tâm	- Tự nhận thức

(Nguồn: Howard Gardner (1983), *Frames of Mind: The theory of multiple intelligences*, New York, Basic Books)

Theo Howard Gardner (1), trí tuệ đa dạng cho thấy mỗi con người có khả năng - biểu đạt tri thức của mình và học theo cách tốt nhất như thế nào theo 7 cách khác nhau:



- *Trí tuệ về ngôn ngữ*: Thể hiện sự yêu thích từ ngữ và cách sử dụng chúng để đọc, viết, nói. Nhạy cảm với ngữ âm, ngữ nghĩa hay ngữ cảnh, thích chơi hoặc tạo ra các trò chơi chữ. Các nhà văn, nhà thơ, luật sư và diễn giả thường là những người có trí tuệ về ngôn ngữ.

- *Trí tuệ về logic/toán học*: Thể hiện ở sự dễ dàng hiểu các con số và khái niệm toán học, thích tìm kiếm các chi tiết tỉ mỉ và khả năng phân tích các vấn đề một cách logic, thực hiện các hoạt động liên quan đến toán học, xem xét các vấn đề rất khoa học, hay tò mò và thích quan sát con người sự vật và không gian. Tư duy lôgic là công cụ giúp họ giải quyết mọi vấn đề.

- *Trí tuệ về âm nhạc*: Thể hiện ở sự say sưa và yêu thích âm nhạc, biết thưởng thức, nhạy cảm và nghe được một cách chính xác các giai điệu, nhịp điệu. Những người có trí tuệ này có thiên hướng học tập thông qua các giai điệu, âm nhạc, thích chơi nhạc cụ, hát, đọc truyền cảm các tác phẩm,...

- *Trí tuệ về thị giác và không gian*: Những người có trí tuệ này học và suy nghĩ bằng hình ảnh, hình tượng và khả năng cảm nhận, chuyển đổi và tái tạo lại những góc độ khác nhau của thế giới không gian qua trực quan. Người có trí tuệ không gian có xu hướng nhận thức thế giới qua hình ảnh thay vì từ ngữ, gặp khó khăn trong việc nhớ các sự kiện bằng từ ngữ và con số.

- *Trí tuệ về chuyển động cơ thể*: Biểu hiện khả năng chế ngự các động tác của cơ thể mình và sử dụng đồ vật. Những người có trí tuệ này có thiên hướng học tập thông qua cách vận động và sử dụng động tác, cảm thấy thích thú khi vận động cơ thể, chơi thể thao...

- *Trí tuệ về tương tác cá nhân*: Biểu hiện khả năng nhận biết và đáp ứng một cách thích hợp với các tâm trạng của người khác. Những người sở hữu trí tuệ này có thiên hướng học tập thông qua sử dụng các kĩ năng xã hội, giao tiếp, hợp tác làm việc với người khác, thích gặp gỡ và trò chuyện, có khả năng thông hiểu người khác,...

- *Trí tuệ về nội tâm*: Những người thuộc nhóm này có khả năng tốt trong việc nhận biết những điểm yếu hay điểm mạnh của bản thân mình. Họ thường có thiên hướng học tập thông qua tình cảm, cảm giác, điều khiển và làm chủ tốt việc học của mình, hiểu rõ các suy nghĩ của bản thân, từ đó có thể hiểu được cảm xúc, tình cảm của người khác,...

3. Vận dụng thuyết đa trí tuệ trong dạy học

Nhiều nhà tâm lí học, nhà giáo dục đã ứng dụng thuyết này vào quá trình nghiên cứu của mình trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Trong số đó, Thomas

Armstrong đã ứng dụng thành công một phần thuyết đa trí tuệ của H. Gardner vào việc giảng dạy và giáo dục. Ông đã công bố một số cuốn sách nổi tiếng như: 7 loại hình trí thông minh; Bạn thông minh hơn bạn nghĩ; Đa trí tuệ trong lớp học,... các cuốn sách này chủ yếu viết về các vấn đề giáo dục và hướng dẫn cha mẹ giáo dục con cái, giúp GV dạy học theo các phương pháp nhằm phát huy năng lực trí tuệ nổi trội của HS.

Giá trị lớn nhất do lí thuyết của Howard Garder mang lại cái nhìn mới về tiềm năng của con người; ông hướng sự chú ý tới những cá nhân người học cụ thể và tầm quan trọng của phong cách học tập phù hợp với từng cá nhân do ông lập luận rằng mỗi cá nhân là một sự pha trộn độc đáo của những trí tuệ khác nhau. Những loại trí tuệ mà một cá nhân sở hữu (Gardner cho rằng phần lớn các cá nhân đều mạnh trong ba loại) chỉ ra rằng không chỉ do năng lực của từng cá nhân và các vấn đề như cách thức và phương pháp mà học viên thích thú với việc học và phát triển các thế mạnh - đồng thời hạn chế những điểm yếu.

Ví dụ: Một cá nhân có khả năng giỏi về âm nhạc nhưng lại hạn chế khi làm việc với các con số, vì vậy người đó có thể phát triển kĩ năng làm việc với các con số và lô gic thông qua âm nhạc chứ không thể tiếp tục làm việc trực tiếp với các con số. Một cá nhân yếu về mặt không gian nhưng lại giỏi về các con số nhiều khả năng có thể phát triển về không gian nếu vấn đề này được giải thích và phát triển bằng cách sử dụng các con số và lô gic. Điều này có ý nghĩa gì cho các nhà giáo dục, đó là sức mạnh của mỗi con người là một kênh để phát triển việc học tập sâu hơn. Điểm yếu của một cá nhân là một kênh yếu và nên tránh. Rõ ràng là, giảng dạy truyền thống đã đặt nặng vào sự trí tuệ ngôn ngữ và trí tuệ lô gic - toán học và đã không tính đến những loại trí tuệ khác.

Để từng bước vận dụng thuyết đa trí tuệ trong dạy học, trước hết GV cần thấy rằng mỗi HS đều có những loại hình trí tuệ đặc thù, coi trọng sự đa dạng về trí tuệ ở mỗi HS, mỗi loại trí tuệ đều quan trọng và mỗi HS đều có ít nhiều khả năng theo nhiều khuynh hướng khác nhau. Nhà trường, thầy cô giáo, cha mẹ HS phải là nơi giúp đỡ, khơi gợi tiềm năng, tạo điều kiện học tập theo các hướng khác nhau cho các chủ nhân tương lai của xã hội. Chuyển hóa những quan niệm mới vào các phương pháp dạy học thông qua cách suy ngẫm, chọn lựa phương pháp dạy học sao cho hay nhất, phù hợp nhất với bản thân họ và họ hiểu thấu đáo vì sao phương pháp đó là hiệu quả hoặc chỉ hiệu quả với HS này mà không hiệu quả với

HS kia.

Thuyết này cũng giúp HS tự tin hơn về tiềm năng học tập của mình, giúp GV áp dụng linh hoạt hơn các PPDH và kĩ năng sử dụng các tài liệu, thiết bị dạy học đa dạng hơn, phong phú hơn. GV trong lớp học quán triệt lí thuyết đa trí tuệ khác với trong lớp học truyền thống. Trong lớp học đa trí tuệ, GV phải linh hoạt thay đổi phương pháp và khéo léo chuyển từ lối dạy ngôn ngữ sang lối dạy không gian rồi lối dạy âm nhạc hay vận động, giao tiếp,... Qua nghiên cứu và thực nghiệm cho thấy việc tổ chức dạy học bằng áp dụng linh hoạt, tổng hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực lấy học viên làm trung tâm mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai gần đây như; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phương pháp “bàn tay nặn bột”, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp “bản đồ tư duy”... sẽ tạo ra môi trường học tập đa trí tuệ rất hiệu quả. Trong đó, phương pháp dạy học sử dụng bản đồ tư duy đã huy động được nhiều loại hình trí tuệ ở HS trong quá trình dạy học, góp phần phát triển toàn diện cho HS. Theo định hướng này, khi tổ chức dạy học bằng phương pháp tiếp cận bản đồ tư duy theo lí thuyết đa trí tuệ, người GV cần thông qua các hoạt động sau:

- Hoạt động 1: HS nghiên cứu tài liệu, đọc thầm SGK, tìm từ khóa (phát huy trí tuệ về nội tâm, ngôn ngữ);

- Hoạt động 2: HS thảo luận nhóm, lớp về nội dung, dưới sự dẫn dắt gợi ý của GV (phát huy trí tuệ giao tiếp);

- Hoạt động 3: HS thiết lập bản đồ tư duy về bài học (phát huy trí tuệ ngôn ngữ, logic, không gian) vì bản đồ tư duy là sự kết hợp cả đường nét, màu sắc, chữ viết và có thể vẽ thêm các hình ảnh liên tưởng trong thực tế cuộc sống, trong thiên nhiên vào bản đồ tư duy (trí tuệ tự nhiên học).

- Hoạt động 4: HS thuyết trình về bản đồ tư duy trước nhóm, lớp. Việc thuyết trình cần cả ngữ điệu, âm điệu, điệu bộ cơ thể (phát huy trí tuệ giao tiếp, hình thể động năng, âm nhạc).

Vận dụng đa trí tuệ giúp hiệu trưởng nhà trường cần đổi mới toàn diện từ phân công, đến đánh giá GV chủ nhiệm, GV bộ môn, GV giỏi... Trong dạy học, GV cần vận dụng các phương pháp dạy học tích cực một cách linh hoạt, mềm dẻo, đa dạng phù hợp với các loại trí tuệ khác nhau của HS.

4. Kết luận

Thông điệp của Gardner chuyển tải cho các GV rất rõ ràng; khi chúng ta giáo dục và phát triển con người cần thông qua các điểm mạnh của họ, chúng ta không chỉ kích thích sự phát triển mà còn đặt

niềm tin vào các học viên có thể đạt được các mục tiêu của bài học. Phát huy điểm mạnh của một cá nhân sẽ tăng cường những hồi đáp của học viên đối với quá trình học, bởi sự tự tin và ý thức về giá trị sẽ tăng, điều này giúp học viên phát triển thể mạnh và hạn chế các điểm yếu. Một thông điệp khác cũng không kém phần quan trọng của Gardner là tất cả chúng ta đều có trí tuệ theo những cách riêng. Vận dụng thuyết đa trí tuệ trong dạy học giúp GV đổi mới cách dạy, cách nhìn nhận, đánh giá HS, tránh việc định kiến yếu kém cho những HS chưa giỏi toán, giỏi văn, giỏi ngoại ngữ... giúp các em tự tin hơn và có cách học phù hợp nhất, hiệu quả nhất với khả năng nổi trội của mình, qua đó nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Vận dụng thuyết đa trí tuệ cũng giúp cha mẹ HS tránh áp lực về điểm số với con em mình, chú ý tới giáo dục toàn diện và khích lệ con em mình trong học tập, rèn luyện và định hướng lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai phù hợp với sở trường, khả năng của mỗi em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Howard Gardner (1983), *Frames of Mind: The theory of multiple intelligences*, New York, Basic Books.
2. Armstrong Thomas (1999), *7 Kinds of Smart: Identifying and Developing Your Many Intelligences*, New York: Plume.
3. Smith, M. K. (2002), "Howard Gardner and multiple intelligences", the encyclopedia of informal education.

SUMMARY

The paper has provided a general picture of a theory that serves as a basis for student-centered approaches as well as for renovated teaching methods and its application into specific teaching methods, i.e., theory of multiple intelligences. According to the author, applying the theory of multiple intelligences into teaching and learning practices helps teachers renovate their teaching styles, their perceptions and assessments of students, avoiding their prejudice on the poor performance of students, hence helping them become more confident and employ a learning style more suitable with their preferences and outstanding capacities, whereby to enhance effectiveness and efficiency of education. In addition, applying the theory of multiple intelligences also helps parents avoid pressure in terms of scores placed upon their children and rather pay more attention to comprehensive education and provide encouragement in their learning and practice, and guide their job choice in line with their